

BÀI 8. CUỘC KHÁNG CHIẾN CHỐNG MỸ, CỨU NƯỚC (1954 – 1975)
(3 tiết)

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức

- Trình bày được nét khái quát về bối cảnh lịch sử, các giai đoạn phát triển chính của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước.
- Nêu được nguyên nhân thắng lợi của kháng chiến chống Mỹ, cứu nước.
- Phân tích được ý nghĩa lịch sử của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước.

2. Về năng lực

- Năng lực chung:
 - + Năng lực tự chủ và tự học: khả năng thực hiện nhiệm vụ một cách độc lập; tự lực làm những nhiệm vụ học tập được giao trên lớp và ở nhà.
 - + Năng lực giao tiếp và hợp tác: hợp tác và giao tiếp với các bạn trong các nhiệm vụ học tập.
 - + Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: phát hiện được vấn đề từ các nhiệm vụ học tập và tìm cách giải quyết chúng.
- Năng lực đặc thù:
 - + Năng lực tìm hiểu lịch sử thông qua việc sưu tầm, khai thác và sử dụng tư liệu lịch sử để tìm hiểu về cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước.
 - + Năng lực nhận thức và tư duy lịch sử thông qua việc trình bày được nét khái quát về bối cảnh lịch sử, các giai đoạn phát triển chính của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước; nêu được nguyên nhân thắng lợi của kháng chiến chống Mỹ, cứu nước; phân tích được ý nghĩa lịch sử của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước.

3. Về phẩm chất

- Yêu nước: có ý thức trân trọng, tự hào về cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước;
- Trách nhiệm: tham gia vào công tác đền ơn đáp nghĩa ở địa phương và sẵn sàng tham gia đóng góp xây dựng, bảo vệ Tổ quốc.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Giáo viên

- Tư liệu lịch sử gồm:
 - + Các hình ảnh, các tư liệu về kháng chiến chống Mỹ, cứu nước ở trong SGK hoặc sưu tầm thêm (có thể phóng to qua máy chiếu).
 - + Một số đoạn video, đoạn phim tài liệu, bài hát,... về cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước.
- GV có thể tham khảo một số bộ phim tài liệu như: *Việt Nam thời đại Hồ Chí Minh – Biên niên sử*

truyền hình, Việt Nam cuộc chiến 10 000 ngày, Việt Nam thiên lịch sử truyền hình, Việt Nam 1972, chương trình Góc chuyện xưa của Truyền hình Nhân dân.

– Phiếu học tập cho HS.

2. Học sinh

– SGK, SBT *Lịch sử 12 – Bộ Kết nối tri thức với cuộc sống.*

– Tư liệu liên quan đến bài học theo yêu cầu của GV.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG, MỞ ĐẦU BÀI HỌC

a) Mục tiêu

Tạo sự hứng thú, lôi cuốn, kích thích HS muốn khám phá về bối cảnh lịch sử, diễn biến chính, nguyên nhân thắng lợi và ý nghĩa lịch sử của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, đồng thời giúp GV có thể giới thiệu nội dung bài học một cách nhẹ nhàng, hấp dẫn, thu hút sự chú ý của HS.

b) Tổ chức thực hiện

GV tổ chức cho HS làm việc cá nhân, đọc thông tin trong phần Mở đầu và quan sát “Hình 1. Bức ảnh Nụ cười chiến thắng bên Thành cổ Quảng Trị” (Đoàn Công Tính chụp) để trả lời câu hỏi: *Em có suy nghĩ gì về hình ảnh đó?*

* Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

HS khai thác thông tin trong phần Mở đầu và dựa vào hiểu biết cá nhân để trả lời câu hỏi.

* Bước 3: Báo cáo, thảo luận

GV gọi 2 – 3 HS trả lời câu hỏi. Các HS khác nhận xét, bổ sung (nếu có).

* Bước 4: Kết luận, chốt kiến thức

Trên cơ sở câu trả lời của HS, GV chọn ý để dẫn dắt vào nội dung bài học và nêu yêu cầu định hướng của bài học: Cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước diễn ra trong bối cảnh lịch sử nào, trải qua mấy giai đoạn? Theo em, vì sao nhân dân Việt Nam có thể tiến hành kháng chiến thành công? Cuộc kháng chiến có ý nghĩa như thế nào đối với dân tộc và thời đại?

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

1. Hoạt động 1: Tìm hiểu về bối cảnh lịch sử của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954 – 1975)

a) Mục tiêu

Trình bày được nét khái quát về bối cảnh lịch sử của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954 – 1975).

b) Tổ chức thực hiện

* Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

GV tổ chức cho HS làm việc cá nhân, xem một đoạn phim tư liệu trong bộ phim *Việt Nam trên đường thắng lợi*, sau đó đọc thông tin trong mục để thực hiện nhiệm vụ: *Trình bày khái quát về bối cảnh lịch sử của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954 – 1975).*

* Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

HS xem đoạn phim và khai thác thông tin trong SGK để thực hiện nhiệm vụ.

* Bước 3: Báo cáo, thảo luận

GV gọi 2 – 3 HS trình bày trước lớp. Các HS khác nhận xét, bổ sung (nếu có).

* Bước 4: Kết luận, chốt kiến thức

GV nhận xét phần trình bày của HS, sau đó chốt lại bối cảnh lịch sử của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước:

– Ngay sau Hiệp định Giơ-ne-vơ, Mỹ thay chân Pháp, dựng lên chính quyền tay sai miền Nam Việt Nam. Âm mưu của Mỹ là chia cắt Việt Nam, biến miền Nam Việt Nam thành thuộc địa kiểu mới và căn cứ quân sự của Mỹ ở Đông Nam Á, ngăn chặn chủ nghĩa cộng sản và phong trào giải phóng dân tộc đang dâng cao ở khu vực này.

– Việt Nam tạm thời bị chia cắt làm hai miền: miền Bắc được hoàn toàn giải phóng, tiến lên xây dựng chủ nghĩa xã hội; miền Nam phải tiếp tục cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân, thực hiện hoà bình, thống nhất nước nhà.

– Trên thế giới, hệ thống xã hội chủ nghĩa ngày càng mở rộng, Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa tích cực ủng hộ phong trào giải phóng dân tộc ở các nước thuộc địa và phụ thuộc. Tuy nhiên, sự đối đầu giữa hai phe: tư bản chủ nghĩa do Mỹ đứng đầu và phe xã hội chủ nghĩa do Liên Xô làm trụ cột mà đỉnh cao là Chiến tranh lạnh đã tác động rất lớn đến cuộc kháng chiến của nhân dân Việt Nam.

2. Hoạt động 2: Tìm hiểu về các giai đoạn phát triển chính của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954 – 1975)

a) Mục tiêu

Trình bày được các giai đoạn phát triển chính của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954 – 1975).

b) Tổ chức thực hiện

* Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

GV tổ chức HS làm việc nhóm, chia cả lớp thành 5 nhóm, giao cho mỗi nhóm chuẩn bị nội dung thuyết trình về một giai đoạn của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước theo những gợi ý trong Phiếu học tập sau.

PHIẾU HỌC TẬP

Tìm hiểu những nét chính về cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước giai đoạn

	Những nét chính	Ý nghĩa
Miền Bắc	?	?
Miền Nam	?	?

– Nhóm 1: *Tìm hiểu những nét chính về cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước giai đoạn 1954 – 1960.*

– Nhóm 2: *Tìm hiểu những nét chính về cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước giai đoạn 1961 – 1965.*

– Nhóm 3: *Tìm hiểu những nét chính về cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước giai đoạn 1965 – 1968.*

– Nhóm 4: *Tìm hiểu những nét chính về cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước giai đoạn 1969 – 1973.*

– Nhóm 5: *Tìm hiểu những nét chính về cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước giai đoạn 1973 – 1975.*

* Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

– Từng HS trong mỗi nhóm làm việc cá nhân khai thác thông tin, hình ảnh trong mục để chuẩn bị nội dung những nét chính về giai đoạn mà nhóm được phân công tìm hiểu.

– Sau đó, cả nhóm thảo luận để hoàn thành nội dung Phiếu học tập.

– Nhóm phân công người thuyết trình Phiếu học tập dựa vào nội dung đã chuẩn bị ở phiếu đó.

* Bước 3: Báo cáo, thảo luận

GV tổ chức cho 5 nhóm HS lần lượt thuyết trình. Các nhóm HS khác nhận xét, đặt câu hỏi và bổ sung (nếu có).

* Bước 4: Kết luận, chốt kiến thức

GV nhận xét, đánh giá phần làm việc của các nhóm và chốt kiến thức cho HS về nội dung các giai đoạn chính của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954 – 1975).

Giai đoạn 1954 – 1960:

– *Miền Bắc:*

+ Hoàn thành cải cách ruộng đất, khôi phục kinh tế, hàn gắn vết thương chiến tranh và cải tạo quan hệ sản xuất, bước đầu phát triển kinh tế – xã hội.

+ Thành tựu đạt được tạo tiền đề để miền Bắc phát triển trong giai đoạn tiếp theo cũng như thực hiện nghĩa vụ hậu phương lớn đối với tiền tuyến miền Nam.

– *Miền Nam:*

+ Đấu tranh chống Mỹ – chính quyền Ngô Đình Diệm, đòi thi hành Hiệp định Giơ-ne-vơ, bảo vệ hoà bình, giữ gìn và phát triển lực lượng cách mạng, tiến tới Đồng khởi.

+ Tháng 1 – 1959, Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương lần thứ 15 của Đảng Lao động Việt Nam khẳng định: ngoài con đường sử dụng bạo lực cách mạng, nhân dân miền Nam không còn con đường nào khác. Nghị quyết đã thổi bùng lên phong trào Đồng khởi (1959 – 1960).

+ Thắng lợi của phong trào Đồng khởi đã giáng đòn nặng nề vào chính sách thực dân mới của Mỹ, làm lung lay chính quyền Ngô Đình Diệm, đồng thời đánh dấu bước phát triển nhảy vọt của cách mạng miền Nam, chuyển từ thế giữ gìn lực lượng sang thế tiến công.

Giai đoạn 1961 – 1965:

– *Miền Bắc:*

+ Nhân dân miền Bắc tiến hành kế hoạch Nhà nước 5 năm lần thứ nhất (1961 – 1965) với nhiệm vụ cơ bản là ra sức phát triển công nghiệp, nông nghiệp, củng cố và tăng cường thành phần kinh tế quốc doanh, cải thiện đời sống vật chất và văn hoá của nhân dân,...

+ Thành tựu đạt được làm thay đổi bộ mặt xã hội miền Bắc. Miền Bắc thực hiện nghĩa vụ hậu phương lớn chi viện cho tiền tuyến miền Nam.

– *Miền Nam:* chiến đấu chống chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” (1961 – 1965) do Mỹ và chính

quyền Sài Gòn triển khai.

+ Trên mặt trận chính trị, phong trào diễn ra sôi nổi, lôi cuốn đông đảo các tầng lớp nhân dân tham gia, tiêu biểu là cuộc đấu tranh của các tín đồ Phật giáo.

+ Trên mặt trận chống bình định, nhân dân miền Nam đã làm phá sản “quốc sách” lập “áp chiến lược” của Mỹ – chính quyền Ngô Đình Diệm.

+ Trên mặt trận quân sự, chiến thắng Ấp Bắc (1963) đã mở ra khả năng đánh bại chiến thuật “trục thẳng vận, thiết xa vận”, chứng minh khả năng quân dân Việt Nam có thể đánh bại chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” của Mỹ. Sau chiến thắng Ấp Bắc, một phong trào “Thi đua Ấp Bắc, giết giặc lập công” dấy lên khắp miền Nam.

+ Trong những năm 1964 – 1965, những thắng lợi về quân sự đã làm phá sản hoàn toàn chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” của Mỹ.

Giai đoạn 1965 – 1968:

– *Miền Bắc:*

+ Sau khi dựng lên sự kiện “Vịnh Bắc Bộ” (8 – 1964), Mỹ chính thức mở rộng chiến tranh bằng không quân và hải quân phá hoại miền Bắc lần thứ nhất (2 – 1965).

+ Quân dân miền Bắc kịp thời chuyển mọi hoạt động sang thời chiến, vừa chiến đấu chống chiến tranh phá hoại, vừa tiếp tục phát triển kinh tế – xã hội và thực hiện nhiệm vụ hậu phương lớn đối với tiền tuyến miền Nam.

– *Miền Nam:* chiến đấu chống chiến lược “Chiến tranh cục bộ” của Mỹ.

+ Trên mặt trận chính trị, với sự hỗ trợ của lực lượng vũ trang, quần chúng đã phá vỡ thêm nhiều “áp chiến lược”. Ở các thành thị, phong trào phản đối chiến tranh của quần chúng diễn ra rất sôi nổi.

+ Với ý chí “Quyết chiến, quyết thắng giặc Mỹ xâm lược”, quân dân miền Nam đã anh dũng chiến đấu và giành thắng lợi ở Vạn Tường (18 – 8 – 1965), mở ra khả năng đánh thắng Mỹ trong chiến lược “Chiến tranh cục bộ” về quân sự. – Quân dân miền Nam tiếp tục đập tan cuộc phản công của quân Mỹ và đồng minh trong hai mùa khô 1965 – 1966 và 1966 – 1967.

+ Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy trên toàn miền Nam xuân Mậu Thân năm 1968, trọng tâm là ở các đô thị đã mở ra bước ngoặt của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước: làm lung lay ý chí xâm lược của Mỹ, buộc Mỹ phải “phi Mỹ hoá” chiến tranh xâm lược, chấm dứt không điều kiện chiến tranh phá hoại miền Bắc, chấp nhận đàm phán ở Pa-ri để bàn về chấm dứt chiến tranh.

Giai đoạn 1969 – 1973:

– *Miền Bắc:*

+ Tiến hành khôi phục và phát triển kinh tế – xã hội, tiếp tục làm nghĩa vụ hậu phương và đánh bại cuộc chiến tranh phá hoại lần thứ hai của Mỹ.

+ Chủ động, kịp thời đánh bại hoàn toàn cuộc tập kích chiến lược bằng máy bay B52 của Mỹ vào Hà Nội, Hải Phòng và một số thành phố trong 12 ngày đêm (từ ngày 18 đến ngày 29 – 12 – 1972). Thắng lợi này được coi như trận “Điện Biên Phủ trên không”, buộc Mỹ phải kí Hiệp định Pa-ri về chấm dứt chiến tranh, lập lại hoà bình ở Việt Nam (1973).

– *Miền Nam:* chiến đấu chống chiến lược “Việt Nam hoá chiến tranh” của Mỹ.

+ Ngày 6 – 6 – 1969, Chính phủ cách mạng lâm thời Cộng hoà miền Nam Việt Nam ra đời. Đây là chính phủ hợp pháp của nhân dân miền Nam. –

+ Trong những năm 1970 – 1972, nhân dân ba nước Đông Dương đã giành được những thắng lợi có ý nghĩa chiến lược về quân sự và chính trị.

+ Từ tháng 3 – 1972, quân đội Việt Nam mở cuộc Tiến công chiến lược vào Quảng Trị rồi phát triển rộng khắp chiến trường miền Nam, chọc thủng ba phòng tuyến của địch ở Quảng Trị, Tây Nguyên và Đông Nam Bộ. Cuộc Tiến công chiến lược năm 1972 đã buộc Mỹ phải thừa nhận thất bại của chiến lược “Việt Nam hoá chiến tranh”.

Giai đoạn 1973 – 1975:

– *Miền Bắc:*

Sau khi Hiệp định Pa-ri năm 1973, Mỹ phải rút hết quân về nước. Nhân dân miền Bắc bắt tay khắc phục hậu quả chiến tranh, khôi phục và phát triển kinh tế – xã hội, ra sức chi viện cho miền Nam.

– *Miền Nam:*

+ Mỹ vẫn giữ lại hơn 2 vạn “cố vấn” quân sự, tiếp tục viện trợ quân sự, kinh tế cho chính quyền Sài Gòn. Chính quyền Sài Gòn ngang nhiên phá hoại Hiệp định Pa-ri.

+ Tháng 7 – 1973, Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng lần thứ 21 nhấn mạnh: Trong bất cứ tình hình nào cũng phải tiếp tục con đường bạo lực cách mạng, phải nắm vững chiến lược tiến công, kiên quyết đấu tranh trên ba mặt trận: quân sự, chính trị, ngoại giao.

+ Từ tháng 3 – 1975, quân dân miền Nam mở cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân 1975, trải qua ba chiến dịch lớn: chiến dịch Tây Nguyên, chiến dịch Huế – Đà Nẵng và chiến dịch giải phóng Sài Gòn – Gia Định (Chiến dịch Hồ Chí Minh).

+ 11 giờ 30 phút ngày 30 – 4, lá cờ cách mạng tung bay trên nóc Dinh Độc Lập, báo hiệu sự toàn thắng của Chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử, kết thúc cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước.

3. Hoạt động 3: Tìm hiểu về nguyên nhân thắng lợi, ý nghĩa của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước

a) *Mục tiêu*

– Trình bày được nguyên nhân thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước.

– Phân tích được ý nghĩa lịch sử của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước.

b) *Tổ chức thực hiện*

Mục a. Nguyên nhân thắng lợi

* Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

GV tổ chức cho HS làm việc cặp đôi, khai thác thông tin trong mục, thảo luận để thực hiện nhiệm vụ: *Trình bày nguyên nhân thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước.*

* Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

Cặp đôi HS thực hiện nhiệm vụ theo trình tự như sau:

– HS khai thác thông tin trong SGK và thông tin mở rộng ở mục Em có biết, ghi ra giấy những nguyên nhân thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước.

– Sau đó, HS thảo luận với bạn để thống nhất ý kiến.

* Bước 3: Báo cáo, thảo luận

GV gọi đại diện 2 – 3 cặp đôi trình bày trước lớp. Các HS khác nhận xét, bổ sung (nếu có).

* Bước 4: Kết luận, chốt kiến thức

GV nhận xét, đánh giá phần làm việc các cặp đôi, chốt lại các kiến thức chính về nguyên nhân thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước:

– Sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng, đứng đầu là Chủ tịch Hồ Chí Minh với đường lối chính trị, quân sự độc lập, tự chủ, đúng đắn, sáng tạo. Đó là đường lối đồng thời tiến hành cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc và cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam, phát triển không ngừng nghệ thuật chiến tranh nhân dân, kết hợp đấu tranh quân sự – chính trị – ngoại giao, kết hợp một cách đúng đắn sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại.

– Nhân dân Việt Nam giàu lòng yêu nước, đoàn kết, lao động cần cù, chiến đấu dũng cảm tạo nên sức mạnh để chiến thắng.

– Hậu phương miền Bắc không ngừng lớn mạnh, đáp ứng kịp thời các yêu cầu của cuộc chiến đấu ở hai miền.

– Sự phối hợp chiến đấu, đoàn kết giúp đỡ nhau chống kẻ thù chung của nhân dân ba nước Đông Dương; sự đồng tình, ủng hộ và giúp đỡ to lớn của các lực lượng hoà bình, dân chủ trên thế giới, nhất là các nước xã hội chủ nghĩa; phong trào phản đối chiến tranh của nhân dân Mỹ và nhân dân thế giới,...

Mục b. Ý nghĩa lịch sử

*** Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

GV tổ chức cho HS làm việc cá nhân, khai thác thông tin, Tư liệu 2 trong mục để thực hiện nhiệm vụ: *Phân tích ý nghĩa lịch sử của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước.*

*** Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

HS thực hiện nhiệm vụ theo trình tự như sau:

– HS khai thác Tư liệu 2 để tìm ra những cụm từ thể hiện ý nghĩa lịch sử của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước và ghi ra giấy.

– Sau đó, kết hợp với thông tin trong mục và hiểu biết của mình để hoàn thành nhiệm vụ.

*** Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

GV có thể gọi 1 – 2 HS phân tích một ý nghĩa lịch sử. Các HS khác nhận xét, bổ sung (nếu có).

*** Bước 4: Kết luận, chốt kiến thức**

GV nhận xét, đánh giá và phân tích ý nghĩa lịch sử của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước:

– Đối với Việt Nam:

+ Đã kết thúc 21 năm chiến đấu chống đế quốc Mỹ xâm lược, 30 năm chiến tranh cách mạng; chấm dứt ách thống trị của chủ nghĩa đế quốc trên đất nước Việt Nam.

+ Đã kết thúc thắng lợi cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân trên phạm vi cả nước; mở ra kỉ nguyên cả nước hoà bình, độc lập, thống nhất, đi lên chủ nghĩa xã hội.

– Đối với quốc tế:

+ Góp phần làm sụp đổ chủ nghĩa thực dân mới trên thế giới.

+ Cổ vũ phong trào giải phóng dân tộc và cuộc đấu tranh vì hoà bình, dân chủ và chủ nghĩa xã hội của nhân dân thế giới.

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a) Mục tiêu

Nhiệm vụ này giúp HS củng cố lại kiến thức và có kỹ năng xâu chuỗi các sự kiện để nhận thức các mốc chính trong các giai đoạn phát triển của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954 – 1975), góp phần phát triển năng lực nhận thức và tư duy lịch sử.

b) Tổ chức thực hiện

Câu 1. *Lập sơ đồ tư duy thể hiện các giai đoạn phát triển của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954 – 1975).*

* Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

GV tổ chức HS làm việc nhóm ở nhà để thực hiện nhiệm vụ: *Lập sơ đồ tư duy thể hiện các giai đoạn phát triển của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954 – 1975).*

* Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- Nhóm HS phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên.
- Từng HS trong nhóm sẽ chuẩn bị trước nhiệm vụ của mình.
- Cả nhóm cùng thảo luận, thống nhất mẫu sơ đồ tư duy, những nội dung cần thể hiện trong sơ đồ tư duy.

* Bước 3: Báo cáo, thảo luận

- Nhóm HS sẽ nộp lại bài vào đúng thời gian theo yêu cầu GV.
- GV có thể tổ chức cho HS tự đánh giá lẫn nhau theo tiêu chí dưới đây.

TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ SẢN PHẨM SƠ ĐỒ TƯ DUY CỦA HỌC SINH

STT	Tiêu chí		Điểm
1	Nội dung	- Nội dung thông tin đầy đủ, chính xác	3
		- Bố cục mạch lạc, lô-gic	2
2	Hình thức	- Trình bày sản phẩm sạch sẽ, dễ nhìn	3
		- Có sử dụng màu sắc, hình ảnh để minh họa cho thông tin	2

* Bước 4: Kết luận, chốt kiến thức

GV nhận xét và chốt lại kiến thức cho HS.

Gợi ý: Sơ đồ tư duy phải thể hiện được các giai đoạn của cuộc kháng chiến là 1954 – 1960, 1961 – 1965; 1965 – 1968; 1969 – 1973 và 1973 – 1975. Với mỗi giai đoạn, HS nên chia thành hai nhánh: miền Bắc và miền Nam.

Câu 2. *Hãy nêu một số sự kiện tiêu biểu thể hiện bước phát triển của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954 – 1975) của nhân dân Việt Nam.*

* Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

GV tổ chức HS làm việc cá nhân ở nhà để thực hiện nhiệm vụ: *Nêu một số sự kiện tiêu biểu thể hiện bước phát triển của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954 – 1975) của nhân dân Việt Nam.*

* Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS dựa vào những kiến thức đã học trong bài, lựa chọn một số sự kiện thể hiện bước phát triển của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954 – 1975).

– Với mỗi sự kiện, HS lí giải vì sao sự kiện đó được đánh giá là mốc đánh dấu một bước ngoặt phát triển đi lên của cuộc kháng chiến.

* Bước 3: Báo cáo, thảo luận

HS nộp lại bài cho GV vào đúng thời gian theo yêu cầu của GV.

* Bước 4: Kết luận, chốt kiến thức

GV nhận xét, chuẩn kiến thức cho HS.

Gợi ý: Một số sự kiện tiêu biểu thể hiện bước phát triển của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954 – 1975) như: phong trào Đồng khởi (1959 – 1960); cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân Mậu Thân (1968), chiến thắng “Điện Biên Phủ trên không” (1972) dẫn đến Hiệp định Pa-ri được kí kết (1973); Tổng tiến công và nổi dậy Xuân 1975. Với mỗi sự kiện, HS cần lí giải được vì sao sự kiện đó được đánh giá là mốc đánh dấu một bước ngoặt phát triển đi lên của cuộc kháng chiến.

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a) Mục tiêu

Nhiệm vụ này giúp HS phát triển năng lực tự tìm hiểu lịch sử, vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học để giải quyết một bài tập nhận thức mới.

b) Tổ chức thực hiện

* Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

– GV tổ chức HS làm việc cá nhân ở nhà để thực hiện nhiệm vụ phần Vận dụng:

Câu 1. *Hãy sưu tầm tư liệu từ sách, báo, internet xây dựng bài giới thiệu (theo ý tưởng của em) về một trong hai chủ đề sau:*

a. *Về một sự kiện hoặc nhân vật lịch sử tiêu biểu cho chủ nghĩa anh hùng cách mạng trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954 – 1975).*

b. *Về một phong trào phản chiến, ủng hộ cuộc đấu tranh của nhân dân Việt Nam chống đế quốc Mỹ xâm lược trên thế giới.*

Câu 2. *Nêu những việc em có thể làm để thể hiện lòng biết ơn đối với các thương binh, liệt sĩ và những người có công trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954 – 1975).*

* Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

– HS dựa vào gợi ý của GV lựa chọn và thực hiện nhiệm vụ.

– HS tìm hiểu thêm hình ảnh, thông tin từ sách, báo hoặc internet để cho bài viết của mình sinh động và có tính thuyết phục.

* Bước 3: Báo cáo, thảo luận

GV cho HS nộp lại sản phẩm học tập vào đúng thời gian yêu cầu của GV.

* Bước 4: Kết luận, chốt kiến thức

GV đánh giá sản phẩm của HS và chốt lại nội dung theo hướng mở.

Gợi ý:

Câu 1:

a. Với yêu cầu giới thiệu về sự kiện hoặc nhân vật lịch sử tiêu biểu cho chủ nghĩa anh hùng cách mạng, HS trình bày theo dàn ý sau:

- + Tên sự kiện hoặc nhân vật lịch sử tiêu biểu.
- + Nội dung của sự kiện hoặc đóng góp, vai trò của nhân vật lịch sử.
- + Vì sao em lại chọn sự kiện, nhân vật lịch sử đó?

b. Với yêu cầu giới thiệu một phong trào phản chiến, ủng hộ cuộc đấu tranh của nhân dân Việt Nam chống đế quốc Mỹ xâm lược trên thế giới, HS trình bày theo dàn ý sau:

- + Tên phong trào.
- + Phong trào diễn ra ở đâu? Thời gian nào? + Ai hoặc tổ chức nào lãnh đạo?
- + Mục đích của phong trào.
- + Kết quả, ý nghĩa của phong trào?
- + Vì sao em lại chọn phong trào đó?

Câu 2: HS xây dựng kế hoạch và thực hiện vệ sinh ở nghĩa trang liệt sĩ; giúp đỡ, quan tâm đến các gia đình thương binh, liệt sĩ và người có công; tìm kiếm thông tin về liệt sĩ chưa biết tên,...

Tuần 11, 12- Tiết 22,23

Ngày soạn 5/11/2025

Lớp dạy: 12/2.5,10

BÀI 9. CUỘC ĐẤU TRANH BẢO VỆ TỔ QUỐC TỪ SAU THÁNG 4 – 1975 ĐẾN NAY.
MỘT SỐ BÀI HỌC LỊCH SỬ CỦA CÁC CUỘC KHÁNG CHIẾN BẢO VỆ TỔ QUỐC TỪ NĂM 1945 ĐẾN NAY
(2 tiết)

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức

– Trình bày được những nét khái quát về bối cảnh lịch sử, diễn biến chính của cuộc đấu tranh bảo vệ Tổ quốc ở vùng biên giới Tây Nam và biên giới phía Bắc (từ sau tháng 4 – 1975 đến những năm 80 của thế kỉ XX); cuộc đấu tranh bảo vệ chủ quyền quốc gia ở Biển Đông từ sau tháng 4 – 1975 đến nay.

– Nêu được ý nghĩa lịch sử của cuộc đấu tranh bảo vệ Tổ quốc từ sau tháng 4 – 1975 đến nay.

– Nêu được những bài học cơ bản của các cuộc kháng chiến bảo vệ Tổ quốc từ năm 1945 đến nay.

– Phân tích được giá trị thực tiễn của những bài học lịch sử của các cuộc kháng chiến bảo vệ Tổ quốc từ năm 1945 đến nay.

2. Về năng lực

– Năng lực chung:

+ Năng lực tự chủ và tự học: khả năng thực hiện nhiệm vụ một cách độc lập; tự lực làm những nhiệm vụ học tập được giao trên lớp và ở nhà.

+ Năng lực giao tiếp và hợp tác: hợp tác và giao tiếp với các bạn trong các nhiệm vụ học tập.

+ Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: phát hiện được vấn đề từ các nhiệm vụ học tập và tìm cách giải quyết chúng.

– Năng lực đặc thù:

+ Năng lực tìm hiểu lịch sử thông qua việc sưu tầm, khai thác và sử dụng tư liệu lịch sử để tìm hiểu về cuộc đấu tranh bảo vệ Tổ quốc từ sau tháng 4 – 1975 đến nay.

+ Năng lực nhận thức và tư duy lịch sử thông qua việc trình bày được những nét khái quát về bối cảnh lịch sử, diễn biến chính của cuộc đấu tranh bảo vệ Tổ quốc từ sau tháng 4 – 1975 đến nay; nêu được ý nghĩa lịch sử và những bài học cơ bản của cuộc đấu tranh bảo vệ Tổ quốc từ sau tháng 4 – 1975 đến nay.

+ Năng lực vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học để phân tích được giá trị thực tiễn của những bài học lịch sử của các cuộc kháng chiến bảo vệ Tổ quốc từ năm 1945 đến nay.

3. Về phẩm chất

– Yêu nước: Tự hào về truyền thống bất khuất của cha ông ta trong đấu tranh bảo vệ Tổ quốc; trân trọng những bài học kinh nghiệm trong lịch sử.

– Trách nhiệm: có ý thức trách nhiệm, sẵn sàng góp phần tham gia bảo vệ Tổ quốc khi Tổ quốc cần.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Giáo viên

– Tư liệu lịch sử gồm:

+ Các hình ảnh, tư liệu về các cuộc đấu tranh bảo vệ Tổ quốc từ sau tháng 4 – 1975 đến nay.

+ Một số đoạn video, đoạn phim tài liệu về cuộc đấu tranh bảo vệ Tổ quốc từ sau tháng 4 – 1975 đến nay: *Biên niên sử truyền hình (tập năm 1978, 1979, 1988)*; *Cuộc chiến bảo vệ biên giới phía Bắc: tự hào một dải biên cương* (của Đài Truyền hình kĩ thuật số VTC); *Kỉ niệm 45 năm ngày chiến thắng chiến tranh bảo vệ biên giới phía Tây Nam của Tổ quốc* (của Kênh VTV4 – Đài Truyền hình Việt Nam)...

– Phiếu học tập cho HS.

– Máy tính, máy chiếu...

2. Học sinh

– SGK, SBT *Lịch sử 12 – Bộ Kết nối tri thức với cuộc sống*.

– Tư liệu liên quan đến bài học theo yêu cầu của GV.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG, MỞ ĐẦU BÀI HỌC

a) Mục tiêu

Tạo sự hứng thú, lôi cuốn, kích thích HS muốn khám phá về cuộc đấu tranh bảo vệ Tổ quốc từ sau tháng 4 – 1975 đến nay cũng như đúc rút được một số bài học lịch sử của các cuộc kháng chiến bảo vệ tổ quốc từ năm 1945 đến nay, đồng thời giúp GV có thể giới thiệu nội dung bài học một cách nhẹ nhàng, hấp dẫn, thu hút sự chú ý của HS.

b) Tổ chức thực hiện

* Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

GV tổ chức cho HS làm việc cá nhân để thực hiện nhiệm vụ: Quan sát Hình 1 và trả lời các câu hỏi:

– Hình ảnh đó gợi cho em suy nghĩ gì?

– Hãy chia sẻ hiểu biết của em về các cuộc chiến đấu bảo vệ Tổ quốc từ sau tháng 4 – 1975 đến nay.

* Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

HS làm việc cá nhân, quan sát hình ảnh trong SGK, lắng nghe thông tin mà GV chia sẻ và dựa vào hiểu biết của bản thân để trả lời các câu hỏi.

* Bước 3: Báo cáo, thảo luận

GV lần lượt gọi 1 – 2 HS trả lời từng câu hỏi, các HS khác nhận xét, bổ sung (nếu có).

* Bước 4: Kết luận, chốt kiến thức

Dựa vào phần trả lời của HS, GV chọn ý để dẫn dắt vào nội dung bài học.

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

1. Hoạt động 1: Tìm hiểu về bối cảnh lịch sử của cuộc đấu tranh bảo vệ Tổ quốc từ sau tháng 4 – 1975

a) Mục tiêu

Trình bày được những nét khái quát về bối cảnh lịch sử của cuộc đấu tranh bảo vệ Tổ quốc từ tháng 4 – 1975 đến nay.

b) Tổ chức thực hiện

GV cho HS đọc thông tin trong SGK, thảo luận cặp đôi về bối cảnh lịch sử của cuộc đấu tranh bảo vệ Tổ quốc từ tháng 4 – 1975 đến nay và hoàn thành Phiếu học tập.

PHIẾU HỌC TẬP

Tìm hiểu bối cảnh lịch sử của các cuộc đấu tranh bảo vệ Tổ quốc từ sau tháng 4 – 1975

Bối cảnh	Thuận lợi	Khó khăn
Trong nước		
Quốc tế		

* Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

Cặp đôi HS thực hiện nhiệm vụ theo trình tự như sau:

– Từng HS làm việc cá nhân, khai thác thông tin trong SGK, ghi lại một số ý chính về bối cảnh trong nước và quốc tế ra giấy.

– Sau đó, HS thảo luận với bạn để thống nhất nội dung và điền vào Phiếu học tập.

* Bước 3: Báo cáo, thảo luận

GV gọi đại diện 1 – 2 cặp đôi trình bày trước lớp theo nội dung đã chuẩn bị trong Phiếu học tập và các nhóm khác nhận xét, bổ sung.

* Bước 4: Kết luận, chốt kiến thức

GV nhận xét câu trả lời của các nhóm, chốt lại các nội dung chính về bối cảnh lịch sử của các cuộc đấu tranh bảo vệ Tổ quốc từ sau tháng 4 – 1975:

– Sau thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước và hoàn thành thống nhất đất nước về mặt Nhà nước, Việt Nam chuyển sang giai đoạn độc lập, thống nhất, đi lên chủ nghĩa xã hội.

– Tuy nhiên, hậu quả của chiến tranh trên cả nước còn rất nặng nề; đất nước lại bị Mỹ bao

vây, cấm vận; mối quan hệ giữa Việt Nam – Trung Quốc – Cam-pu-chia đã xuất hiện một số vấn đề phức tạp.

– Tình hình thế giới có nhiều chuyển biến, xu thế hoà hoãn Đông – Tây xuất hiện từ đầu những năm 70 của thế kỉ XX, nhưng tình trạng bất ổn, xung đột vẫn diễn ra nhiều nơi trên thế giới.

2. Hoạt động 2: Tìm hiểu về các cuộc đấu tranh bảo vệ Tổ quốc từ sau tháng 4 – 1975

a) Mục tiêu

Trình bày được diễn biến chính của các cuộc đấu tranh bảo vệ Tổ quốc từ sau tháng 4 – 1975 đến nay.

b) Tổ chức thực hiện

*** Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

GV chia lớp thành 3 nhóm, mỗi nhóm chuẩn bị một nội dung thuyết trình về diễn biến của một cuộc đấu tranh bảo vệ Tổ quốc từ sau tháng 4 – 1975 đến nay.

– Nhóm 1: *Trình bày về cuộc chiến đấu bảo vệ Tổ quốc vùng biên giới Tây Nam.*

– Nhóm 2: *Trình bày về cuộc chiến đấu bảo vệ Tổ quốc ở vùng biên giới phía Bắc.*

– Nhóm 3: *Trình bày về cuộc đấu tranh bảo vệ chủ quyền quốc gia trên Biển Đông.*

*** Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

Nhóm HS thực hiện nhiệm vụ theo trình tự như sau:

– Từng HS khai thác thông tin, hình ảnh trong SGK và ghi một số thông tin ra giấy.

– Sau đó, HS thảo luận nhóm để thống nhất nội dung trả lời và cách thức trình bày của nhóm.

*** Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

GV gọi lần lượt đại diện từng nhóm trình bày nội dung đã chuẩn bị trước lớp. Các nhóm HS khác đặt câu hỏi, nhận xét và bổ sung (nếu có).

*** Bước 4: Kết luận, chốt kiến thức**

GV đánh giá phần thuyết trình và sản phẩm học tập của từng nhóm. Sau đó, GV chốt lại kiến thức cho HS.

Cuộc chiến đấu bảo vệ Tổ quốc ở vùng biên giới Tây Nam: diễn ra qua hai giai đoạn:

– *Giai đoạn 1* (từ ngày 30 – 4 – 1977 đến ngày 5 – 1 – 1978):

+ Quân Pôn Pốt tấn công dọc tuyến biên giới, tàn sát dân thường,...

+ Cùng với việc tổ chức lực lượng vũ trang đánh lui quân địch, Đảng và Nhà nước Việt Nam nỗ lực hoạt động ngoại giao nhằm tìm kiếm giải pháp hoà bình.

– *Giai đoạn 2* (từ ngày 6 – 1 – 1978 đến ngày 7 – 1 – 1979):

+ Quân Pôn Pốt tiến hành xâm lược trên toàn tuyến biên giới Tây Nam. Ngày 22 – 12 – 1978, quân Pôn Pốt huy động 19 sư đoàn bộ binh cùng nhiều đơn vị pháo binh, xe tăng tấn công quy mô lớn vào Tây Ninh.

+ Thực hiện quyền tự vệ chính đáng, quân dân Việt Nam mở cuộc tổng phản công, làm tan rã đại bộ phận quân chủ lực đối phương.

+ Theo yêu cầu của Mặt trận Đoàn kết dân tộc cứu nước Cam-pu-chia, quân tình nguyện Việt Nam cùng quân dân Cam-pu-chia đánh đổ chính quyền Pôn Pốt. Ngày 7 – 1 – 1979, Thủ đô Phnôm

Pênh (Cam-pu-chia) được hoàn toàn giải phóng.

Cuộc chiến đấu bảo vệ Tổ quốc ở vùng biên giới phía Bắc

– Từ giữa năm 1975, tình hình quan hệ Việt Nam – Trung Quốc dần trở nên căng thẳng. Trung Quốc đơn phương chấm dứt các viện trợ kinh tế, kỹ thuật và khiêu khích, xâm phạm khu vực biên giới phía Bắc của Việt Nam.

– Sáng ngày 17 – 2 – 1979, hàng chục vạn quân Trung Quốc tấn công dọc tuyến biên giới phía Bắc dài hơn 1 000 km của Việt Nam, từ Móng Cái (Quảng Ninh) đến Phong Thổ (Lai Châu).

– Để bảo vệ Tổ quốc, quân dân Việt Nam, trực tiếp là quân dân sáu tỉnh biên giới phía Bắc đã đứng lên chiến đấu. Nhiều trận chiến diễn ra quyết liệt ở Lạng Sơn, Cao Bằng, Lào Cai,... đã làm thất bại mục tiêu “đánh nhanh, thắng nhanh” của quân đội Trung Quốc.

– Trước cuộc chiến đấu ngoan cường của quân dân Việt Nam và sự phản đối mạnh mẽ của dư luận, Trung Quốc phải tuyên bố rút quân từ ngày 5 – 3 – 1979. Tuy nhiên, tình hình trên tuyến biên giới phía Bắc tiếp tục căng thẳng kéo dài cho tới cuối năm 1989, đặc biệt là Vị Xuyên (Hà Giang).

Cuộc đấu tranh bảo vệ chủ quyền quốc gia trên Biển Đông

– Sau Đại thắng Xuân 1975, Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam quản lý toàn bộ lãnh thổ đất nước, trong đó bao gồm cả quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa.

– Ngày 12 – 5 – 1977, Chính phủ nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam ra Tuyên bố về lãnh hải, vùng tiếp giáp, vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa của Việt Nam. Năm 1994, Việt Nam là quốc gia thứ 63 phê chuẩn Công ước của Liên hợp quốc về Luật Biển (UNCLOS) năm 1982, trước khi Công ước chính thức có hiệu lực vào tháng 12 – 1994.

– Về quản lý hành chính, năm 1982, Chính phủ Việt Nam thành lập huyện đảo Hoàng Sa (trực thuộc tỉnh Quảng Nam – Đà Nẵng, nay thuộc thành phố Đà Nẵng) và huyện đảo Trường Sa (trực thuộc tỉnh Đồng Nai, nay thuộc tỉnh Khánh Hoà). Năm 2007, Chính phủ quyết định thành lập thị trấn Trường Sa cùng hai xã đảo: Song Tử Tây, Sinh Tồn trực thuộc huyện đảo Trường Sa.

– Chính phủ Việt Nam đã triển khai nhiều hoạt động thực thi chủ quyền đối với quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa, như: tổ chức triển lãm các hiện vật lịch sử, nghiên cứu, khảo sát điều kiện khí hậu, thổ nhưỡng, xây bia chủ quyền, thiết lập các ngọn đèn biển và đưa dân ra sinh sống trên các đảo,...

– Trong giải quyết các tranh chấp chủ quyền biển đảo, Việt Nam luôn kiên quyết và kiên trì đấu tranh bằng các biện pháp phù hợp với nguyên tắc cơ bản của luật pháp quốc tế, lấy bảo vệ vững chắc chủ quyền, lợi ích quốc gia, dân tộc và giữ vững hoà bình, ổn định để đất nước phát triển làm mục tiêu cao nhất.

3. Hoạt động 3: Tìm hiểu về ý nghĩa lịch sử của cuộc đấu tranh bảo vệ Tổ quốc từ sau tháng 4 – 1975 đến nay

a) Mục tiêu

Nêu được ý nghĩa lịch sử của các cuộc chiến đấu bảo vệ Tổ quốc từ sau năm 1975 đến nay.

b) Tổ chức thực hiện

* Chuyển giao nhiệm vụ

GV tổ chức cho HS làm việc cá nhân, đọc thông tin trong SGK, thực hiện nhiệm vụ:

Nêu ý nghĩa lịch sử của cuộc đấu tranh bảo vệ Tổ quốc từ sau tháng 4 – 1975 đến nay.

* Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

HS khai thác thông tin và dựa vào hiểu biết của mình để thực hiện nhiệm vụ.

* Bước 3: Báo cáo, thảo luận

GV gọi 2 – 3 HS trình bày trước lớp, các HS khác nhận xét, bổ sung.

* Bước 4: Kết luận, chốt kiến thức

GV nhận xét và chốt lại kiến thức cho HS về ý nghĩa lịch sử cuộc đấu tranh bảo vệ Tổ quốc từ sau tháng 4 – 1975 đến nay:

- Bảo vệ vững chắc Tổ quốc xã hội chủ nghĩa, bảo vệ cuộc sống của nhân dân.
- Khẳng định ý chí độc lập, tự chủ và tinh thần đại đoàn kết dân tộc, đoàn kết quốc tế trong sáng của nhân dân Việt Nam.
- Tạo điều kiện thuận lợi cho công cuộc xây dựng đất nước.
- Để lại những bài học kinh nghiệm quý giá cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong tương lai.
- Góp phần bảo vệ hoà bình, ổn định ở khu vực châu Á và trên thế giới.

4. Hoạt động 4: Tìm hiểu một số bài học lịch sử của các cuộc kháng chiến bảo vệ Tổ quốc từ năm 1945 đến nay

a) Mục tiêu

- Nêu được các bài học lịch sử từ các cuộc chiến đấu bảo vệ Tổ quốc từ năm 1945 đến nay.
- Phân tích được giá trị thực tiễn của những bài học lịch sử của các cuộc kháng chiến bảo vệ Tổ quốc từ năm 1945 đến nay.

b) Tổ chức thực hiện

* Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

GV tổ chức cho HS thảo luận cặp đôi, khai thác tư liệu và thông tin trong mục để thực hiện các nhiệm vụ:

- *Nêu những bài học cơ bản của các cuộc kháng chiến bảo vệ Tổ quốc từ năm 1945 đến nay.*
- *Phân tích giá trị thực tiễn của những bài học lịch sử từ các cuộc chiến đấu bảo vệ Tổ quốc từ năm 1945 đến nay.*

* Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS khai thác thông tin trong SGK, lắng nghe thông tin mà GV cung cấp, cũng như dựa vào hiểu biết của bản thân, thảo luận với bạn để nêu được những bài học lịch sử chính.
- Sau đó, lần lượt phân tích giá trị thực tiễn của những bài học đó.

* Bước 3: Báo cáo, thảo luận

GV gọi đại diện 1 – 2 cặp đôi HS trình bày trước lớp. Các HS khác nhận xét, bổ sung.

* Bước 4: Kết luận, chốt kiến thức

GV nhận xét, chốt lại các bài học lịch sử và giá trị thực tiễn của những bài học lịch sử từ các cuộc chiến đấu bảo vệ Tổ quốc từ năm 1945 đến nay:

- *Bài học không ngừng phát huy tinh thần yêu nước của các tầng lớp nhân dân.*

Dẫn chứng và giá trị thực tiễn: Tinh thần yêu nước của nhân dân Việt Nam đã tạo thành sức mạnh tổng hợp của dân tộc trong cuộc đấu tranh giành độc lập, tự do và bảo vệ Tổ quốc. Ngày nay, đất nước đang tiến hành đổi mới và hội nhập sâu rộng trong bối cảnh toàn cầu hoá. Vì vậy,

cần đẩy mạnh công tác giáo dục chính trị tư tưởng, đạo đức, lối sống để mỗi người Việt Nam, đặc biệt là thế hệ trẻ nhận thức rõ vai trò của tinh thần và phát huy tinh thần đó trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam).

– *Bài học củng cố, tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân*

Dẫn chứng và giá trị thực tiễn: Thực tiễn cách mạng từ khi Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời đã chứng minh: Một dân tộc nhỏ, nghèo nàn, lạc hậu như Việt Nam nhưng lại có thể chiến thắng những kẻ thù hùng mạnh,... là nhờ sự đoàn kết một lòng của cả dân tộc. Các tổ chức mặt trận đã giữ vai trò to lớn trong xây dựng, củng cố khối đại đoàn kết dân tộc. Ngày nay, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cần phát huy vai trò trong việc củng cố, tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân tộc cũng như bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của nhân dân.

– *Bài học kết hợp sức mạnh dân tộc và sức mạnh thời đại, kết hợp chặt chẽ hai nhiệm vụ chiến lược: xây dựng và bảo vệ Tổ quốc*

Dẫn chứng và giá trị thực tiễn: Kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại là một trong những bài học lớn, xuyên suốt trong quá trình đấu tranh giành độc lập dân tộc, bảo vệ và xây dựng đất nước, trong đó, sức mạnh dân tộc là yếu tố quyết định. Trong bối cảnh hiện nay, việc kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại góp phần tăng cường sức mạnh tổng hợp để tận dụng thời cơ, vượt qua thách thức, tạo ra thế và lực để đất nước ổn định và phát triển. Các cuộc kháng chiến bảo vệ Tổ quốc cũng cho thấy cần kết hợp chặt chẽ hai nhiệm vụ chiến lược: xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Xây dựng đất nước vững mạnh, đời sống của các tầng lớp nhân dân ngày càng nâng cao... là tạo điều kiện vững chắc cho bảo vệ Tổ quốc. Ngược lại, tăng cường quốc phòng, an ninh, giữ vững ổn định chính trị, an ninh quốc gia sẽ tạo sức mạnh cần thiết cho công cuộc xây dựng đất nước.

– *Bài học phát triển sáng tạo nghệ thuật chiến tranh nhân dân, xây dựng nền quốc phòng toàn dân*

Dẫn chứng và giá trị thực tiễn: Đảng Cộng sản Việt Nam và Chủ tịch Hồ Chí Minh đã tiếp tục xây dựng và phát triển sáng tạo nghệ thuật quân sự Việt Nam. Đó là nghệ thuật toàn dân đánh giặc, nghệ thuật tiến công chủ động, kiên quyết, mưu trí, sáng tạo... Trong bối cảnh sự phát triển của cuộc cách mạng khoa học – công nghệ hiện nay, nghệ thuật quân sự Việt Nam cần tiếp tục phát triển ở trình độ khoa học cao, đồng thời xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân và có chiến lược bảo vệ Tổ quốc từ sớm, từ xa.

* Bước 5: Mở rộng

GV có thể đưa ra câu hỏi mở rộng: *Em có nhận xét gì các cuộc đấu tranh bảo vệ Tổ quốc từ sau tháng 4 – 1975?*

Gợi ý: Dù là một dân tộc yêu chuộng hoà bình, nhưng trước sự xâm phạm chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ, Đảng và nhân dân ta đã thực hiện quyền tự vệ chính đáng, sử dụng vũ lực để đấu tranh bảo vệ Tổ quốc. Các cuộc chiến đấu diễn ra rất ác liệt, rất nhiều chiến sĩ đã anh dũng hi sinh với quyết tâm không gì thay đổi được: đó là sự toàn vẹn chủ quyền, lãnh thổ của Việt Nam.

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a) Mục tiêu

Nhiệm vụ này giúp HS xâu chuỗi, hệ thống hoá các sự kiện để nhận thức ý nghĩa của cuộc đấu tranh bảo vệ Tổ quốc từ sau tháng 4 – 1975 đến nay, góp phần phát triển năng lực nhận thức và tư duy lịch sử.

b) Tổ chức thực hiện

Câu 1. Hoàn thành bảng thống kê (theo gợi ý dưới đây vào vở) về các nét chính của cuộc đấu tranh bảo vệ Tổ quốc từ sau tháng 4 – 1975 đến nay.

* Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

GV có thể cho HS làm việc cá nhân ở nhà để thực hiện nhiệm vụ: Hoàn thành bảng thống kê (theo gợi ý dưới đây vào vở) về các nét chính của cuộc đấu tranh bảo vệ Tổ quốc từ sau tháng 4 – 1975 đến nay.

	Diễn biến chính	Ý nghĩa
Cuộc chiến đấu bảo vệ Tổ quốc ở vùng biên giới Tây Nam	?	?
CCuộc chiến đấu bảo vệ Tổ quốc ở vùng biên giới phía Bắc	?	?
Cuộc đấu tranh bảo vệ chủ quyền quốc gia trên Biển Đông	?	?

1. Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

HS dựa vào kiến thức đã học trong SGK để hoàn thành bảng thống kê.

2. Bước 3: Báo cáo, thảo luận

1.Nhóm HS sẽ nộp lại bài vào đúng thời gian theo yêu cầu GV.

2.GV có thể tổ chức cho HS tự đánh giá lẫn nhau theo tiêu chí dưới đây.

BẢNG KIỂM TỰ ĐÁNH GIÁ VÀ ĐÁNH GIÁ LẦN NHAU VỀ BẢNG THỐNG KÊ

STT	Nội dung	Đánh giá (Có hoặc Không)
1	Hình thức bảng sạch sẽ, đúng nội dung.	
2	Đúng, đủ tên các cuộc chiến đấu bảo vệ Tổ quốc từ sau tháng 4 – 1975.	
3	Nội dung trình bày đúng, đầy đủ về diễn biến chính và ý nghĩa của các cuộc đấu tranh bảo vệ Tổ quốc từ sau tháng 4 – 1975 đến nay.	

3. Bước 4: Kết luận, chốt kiến thức

GV nhận xét, chốt lại các nội dung chính cần thể hiện trong bảng:

Gợi ý:

4. Thời gian:

Với cuộc chiến đấu bảo vệ Tổ quốc ở vùng biên giới Tây Nam và cuộc chiến đấu bảo vệ Tổ quốc ở vùng biên giới phía Bắc: thời gian sự kiện bắt đầu diễn ra và kết thúc.

+ Với cuộc đấu tranh bảo vệ chủ quyền quốc gia trên Biển Đông: Cuộc đấu tranh bằng biện pháp hoà bình vẫn luôn diễn ra với các sự kiện chính như: Tuyên bố về lãnh hải, vùng tiếp giáp,

vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa của Việt Nam (1977); thành lập huyện đảo Trường Sa và huyện đảo Hoàng Sa (1982), sự kiện Gạc Ma (1988); Luật Biển Việt Nam (2012),...

1. Diễn biến chính, kết quả.
2. Ý nghĩa.

Câu 2. *Lập sơ đồ tư duy về những bài học lịch sử của các cuộc kháng chiến bảo vệ Tổ quốc từ năm 1945 đến nay. Theo em, bài học nào là quan trọng nhất? Vì sao?*

* Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

GV tổ chức cho HS làm việc cá nhân ở lớp để thực hiện nhiệm vụ: *Lập sơ đồ tư duy về những bài học lịch sử của các cuộc kháng chiến bảo vệ Tổ quốc từ năm 1945 đến nay. Theo em, bài học nào là quan trọng nhất? Vì sao?*

* Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

3. HS dựa vào kiến thức đã học trong bài, lập sơ đồ tư duy theo ý tưởng riêng của mình về những bài học lịch sử của các cuộc kháng chiến bảo vệ Tổ quốc từ năm 1945 đến nay.

4. Từ sơ đồ tư duy và hiểu biết của mình, HS đưa ra được ý kiến và giải thích được: *Bài học nào là quan trọng nhất? Vì sao?*

* Bước 3: Báo cáo, thảo luận

GV gọi 1 – 2 HS trình bày trước lớp. Các HS khác nhận xét, bổ sung.

* Bước 4: Kết luận, chốt kiến thức

GV nhận xét, chốt lại kiến thức cho HS:

Về sơ đồ tư duy, phải đảm bảo thể hiện các bài học sau:

5. Bài học không ngừng phát huy tinh thần yêu nước của các tầng lớp nhân dân.
6. Bài học củng cố, tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân.
7. Bài học kết hợp sức mạnh dân tộc và sức mạnh thời đại, kết hợp chặt chẽ hai nhiệm vụ chiến lược: xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.
8. Bài học phát triển sáng tạo nghệ thuật chiến tranh nhân dân, xây dựng nền quốc phòng toàn dân.

Về bài học quan trọng nhất, GV kết luận theo hướng mở, điều quan trọng là HS giải thích được lí do vì sao lại lựa chọn bài học đó.

Ví dụ: Lựa chọn bài học: Củng cố, tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân. Lí do: Trong các cuộc kháng chiến, chính sự đoàn kết một lòng của toàn dân tộc đã giúp chúng ta đánh thắng những kẻ thù hùng mạnh nhất với trang bị vũ khí hiện đại nhất.

Trong công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc hiện nay, những bài học lịch sử về củng cố, tăng cường khối đoàn kết toàn dân,... vẫn giữ nguyên giá trị. Cốt lõi và chiều sâu của

bài học lịch sử này là sự kiên định, sáng tạo trong thực hiện độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội, bởi đây chính là nhu cầu, mục tiêu, nhiệm vụ bao trùm, xuyên suốt, nhất quán có tính “sống còn” của dân tộc Việt Nam. Trong bối cảnh hội nhập quốc tế, cần kết hợp chặt chẽ sức mạnh dân tộc và sức mạnh thời đại, trong đó sức mạnh dân tộc – sức mạnh nội lực vẫn phải là chủ yếu.

1. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

1. Mục tiêu

Nhiệm vụ này giúp HS vận dụng kiến thức đã học, kỹ năng sưu tầm và xử lý tư liệu từ nhiều nguồn khác nhau để thiết kế một bài viết theo cách riêng của mình.

2. Tổ chức thực hiện

*** Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

GV tổ chức cho HS làm việc cá nhân ở nhà và thực hiện câu hỏi phần Vận dụng:

Câu 1. *Sưu tầm tư liệu từ sách, báo và internet, hãy viết bài giới thiệu ngắn gọn về một cuộc đấu tranh bảo vệ Tổ quốc từ sau tháng 4 – 1975.*

Câu 2. *Vận dụng kiến thức đã học, hãy phân tích giá trị thực tiễn của những bài học lịch sử từ các cuộc kháng chiến bảo vệ Tổ quốc từ năm 1945 đến nay.*

*** Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

2. HS dựa vào kiến thức đã học, tìm hiểu thêm thông tin trên sách, báo hoặc internet để thực hiện nhiệm vụ: có thể giới thiệu cuộc đấu tranh trên quy mô lớn hoặc cuộc đấu tranh ở một địa phương. Ví dụ: HS có thể sưu tầm tư liệu, trình bày về cuộc đấu tranh bảo vệ Tổ quốc ở biên giới phía Bắc tại mặt trận Hà Giang, Lạng Sơn, Cao Bằng,... hoặc cuộc đấu tranh bảo vệ Tổ quốc vùng biên giới phía Nam trên địa bàn tỉnh An Giang,...

HS có thể lồng ghép thực hiện cả hai nhiệm vụ vào một bài giới thiệu.

3. HS báo cáo kết quả thực hiện có thể theo một hình thức tùy chọn: bài báo cáo, thuyết trình, clip,...

*** Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

HS nộp lại bài giới thiệu vào buổi học sau theo yêu cầu của GV.

*** Bước 4: Kết luận, chốt kiến thức**

4. GV nhận xét và chốt lại nội dung chính theo hướng mở.

Gợi ý:

Bài giới thiệu trình bày theo dàn ý sau:

5. Những nét chính về bối cảnh, nội dung, kết quả và ý nghĩa của sự kiện.

6. Lựa chọn phân tích một trong các bài học theo gợi ý: Bài học đó là gì? Ngày nay, có thể vận dụng bài học đó trong sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc ra sao? Cần làm gì để phát huy bài học đó một cách hiệu quả?...

Tuần 12,13- Tiết 24,25

Ngày soạn 14/11/2025

Lớp dạy: 12/2.5,10

THỰC HÀNH CHỦ ĐỀ 3

I, MỤC TIÊU

– Trình bày được những nét khái quát về bối cảnh lịch sử, diễn biến chính của cuộc đấu tranh bảo vệ Tổ quốc ở vùng biên giới Tây Nam và biên giới phía Bắc (từ sau tháng 4 – 1975 đến những năm 80 của thế kỉ XX); cuộc đấu tranh bảo vệ chủ quyền quốc gia ở Biển Đông từ sau tháng 4 – 1975 đến nay.

NỘI DUNG: GV nhắc lại nội dung đã giao về nhà

– HS dựa vào kiến thức đã học, tìm hiểu thêm thông tin trên sách, báo hoặc internet để thực hiện nhiệm vụ: có thể giới thiệu cuộc đấu tranh trên quy mô lớn hoặc cuộc đấu tranh ở một địa phương. Ví dụ: HS có thể sưu tầm tư liệu, trình bày về cuộc đấu tranh bảo vệ Tổ quốc ở biên giới phía Bắc tại mặt trận Hà Giang, Lạng Sơn, Cao Bằng,... hoặc cuộc đấu tranh bảo vệ Tổ quốc vùng biên giới phía Nam trên địa bàn tỉnh An Giang,...

– GV mời đại diện lên trình bày(NHÓM 1,2 TRÌNH BÀY TIẾT 1- NHÓM 3,4 TRÌNH BÀY TIẾT 2)

- Các thành viên, đại diện các nhóm lên trình bày
- GV nhận xét,